UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 368 /QĐ-UBND	*Bình Phước, ngày 05 tháng 02 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán công trình: Xây dựng đường từ TTHC huyện Đồng Phú đến khu quy hoạch công nghiệp – thương mại – dịch vụ Becamex Bình Phước.

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG PHÚ
ĐẾN Số: 1152
Ngày: 18/02/2021
Chuyển:

CHỦ TỊCH UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 42/2017/NĐ-CP, ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư công;

Căn cứ Thông tư số 03/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng; Thông tư số 07/2019/TT-BXD ngày 07/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung, thay thế một số quy định tại Thông tư số 03/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016;

Căn cứ Thông tư số 209/2016/TT/BTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng, phí thẩm định thiết kế cơ sở;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây Dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Căn cứ Thông tư số 26/2016/TT-BXD ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 210/2016/TT/BTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí thẩm định thiết kế kỹ thuật, phí thẩm định dự toán xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 09/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Thông tư số 10/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 15/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định đơn giá nhân công xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 16/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 02/2020/TT-BXD ngày 20/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của 04 Thông tư có liên quan đến quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 34/2020/TT-BTC ngày 05/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, nộp phí, lệ phí trong lĩnh vực xây dựng;

Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của HĐND tỉnh về quyết định chủ trương đầu tư, điều chỉnh chủ trương đầu tư các dự án nhóm B, nhóm C của tỉnh năm 2020 và giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 03/2017/QĐ-UBND ngày 20/01/2017 của UBND tỉnh Ban hành quy định về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Bình Phước; Quyết định số 25/2020/QĐ-UBND ngày 14/9/2020 của UBND tỉnh Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số Điều của Quy định về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Bình Phước ban hành kèm theo Quyết định số 03/2017/QĐ-UBND ngày 20/01/2017 của UBND tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 46/2017/QĐ-UBND ngày 02/11/2017 của UBND tỉnh Ban hành quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Bình Phước; Quyết định số 03/2020/QĐ-UBND ngày 06/11/2020 của UBND tỉnh về Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Bình Phước ban hành kèm theo Quyết định số 46/2017/QĐ-UBND ngày 02/11/2017 của UBND tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 2129/QĐ-UBND ngày 28/8/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng công trình Xây

dựng đường từ TTHC huyện Đồng Phú đến khu quy hoạch công nghiệp – thương mại – dịch vụ Becamex Bình Phước;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông Vận tải tại Tờ trình số 12/TTr-SGTVT ngày 29/01/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán công trình Xây dựng đường từ TTHC huyện Đồng Phú đến khu quy hoạch công nghiệp – thương mại – dịch vụ Becamex Bình Phước, với nội dung như sau:

1. Tên công trình: Xây dựng đường từ TTHC huyện Đồng Phú đến khu quy hoạch công nghiệp – thương mại – dịch vụ Becamex Bình Phước.

2. Thuộc dự án đầu tư: Xây dựng đường từ TTHC huyện Đồng Phú đến khu quy hoạch công nghiệp – thương mại – dịch vụ Becamex Bình Phước.

3. Chủ đầu tư: UBND huyện Đồng Phú.

4. Loại, cấp công trình:

- Loại công trình: Công trình giao thông

- Cấp công trình: Cấp III.

5. Địa điểm xây dựng: Huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

6. Nhà thầu khảo sát, thiết kế bản vẽ thi công, lập dự toán xây dựng: Liên danh Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Nam Phước và Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Kiểm định Bảo Nam.

7. Chủ nhiệm, các chủ trì khảo sát, thiết kế và dự toán xây dựng

- Chủ nhiệm thiết kế xây dựng: Nguyễn Ngọc Tô

- Chủ trì thiết kế đường: Trần Minh Trường

- Chủ trì thiết kế cầu: Phạm Song Hào.

- Chủ trì lập dự toán xây dựng: Trần Minh Trường

8. Quy mô, chỉ tiêu kỹ thuật và giải pháp thiết kế

* Quy mô xây dựng: Dự án có điểm đầu giao với ĐT.741 tại khoảng Km60+750, điểm cuối giáp ranh khu quy hoạch CN – TM – DV Becamex Bình Phước,với các thông số chủ yếu như sau:

- Chiều dài tuyến: 7.932,54m
- Chiều rộng mặt đường: 28m, trong đó:
+ Chiều rộng làn đường xe cơ giới: 7,5m x 2 bên = 15m
+ Chiều rộng làn đường xe hỗn hợp: 6,5m x 2 bên = 13m
- Chiều rộng dải phân cách: 2m x 2 bên = 4m
- Chiều rộng vỉa hè, lề đất: 5m x 2 bên = 10m

- Chiều rộng nền đường tối thiểu: 42m
- Vận tốc thiết kế: 60 km/h
- Tải trọng thiết kế : 12 tấn/trục
- Kết cấu áo đường: Cấp cao A1
- Cầu, cống thiết kế vĩnh cửu bằng BTCT, tải trọng thiết kế: HL93
- Tần suất tính toán thuỷ văn nền đường, cống thoát nước: 4%
- Cầu BTCT tại Km1+165,46 gồm 3 nhịp 24,54m + 33m +24,54m, có chiều dài khoảng 83,28m (tính đến mép sau tường ngực mố).

* Giải pháp thiết kế:

a) Phần đường: Tuyến đường được thiết kế theo tiêu chuẩn TCVN 4054 – 2005 "Đường ô tô – Yêu cầu thiết kế", đường cấp III với các nội dung chủ yếu như sau:

- Bình đồ tuyến được thiết kế chủ yếu bám theo đường đất hiện hữu.
- Mặt cắt dọc tuyến: Đảm bảo yếu tố hình học cấp đường thiết kế.

+ Độ dốc ngang mặt đường: 2%
+ Độ dốc ngang vỉa hè: 2%
+ Độ dốc ngang lề đất: 3%

- Kết cấu mặt đường (từ trên xuống) như sau:

+ Bê tông nhựa chặt 12,5 dày 7cm, K ≥ 0,98, E ≥ 175Mpa.
+ Lớp nhựa thấm bám tiêu chuẩn nhựa 1,0kg/m2.
+ Lớp cấp phối đá dăm dày 45cm, K ≥ 0,98, E ≥ 160Mpa.
+ Lớp sỏi đỏ dày 20cm K=0,98, Eyc=90 MPa;
+ Đào đắp nền đường, lu lèn đạt K ≥ 0,95.

- Kết cấu vỉa hè đoạn đầu tuyến đến cầu (Km1+165,46):

+ Lát gạch;
+ Lớp vữa xi măng M75 dày 3cm;
+ Lớp cấp phối đá dăm dày 20cm, K ≥ 0,95;
+ Đào đắp, lu lèn nền đường nguyên thổ.
+ Đối với bồn trồng cây xanh: Xây gạch thẻ trên lớp bê tông đá 4x6 M150 dày 10cm. Bên trong bồn bố trí ống cống bằng bê tông cốt thép. Bố trí trồng cây xanh khoảng cách 10m/cây.

- Kết cấu lề đất đoạn từ cầu (Km1+165,46) đến cuối tuyến: Đắp sỏi đỏ, lu lèn đạt K ≥ 0,95.

- Kết cấu dải phân cách: Bê tông đá 1x2 M200 trên lớp bê tông lót đá 4x6 M150, dải phân cách được ngắt đoạn 50m để thoát nước. Bên trong dải phân cách được xử lý chống thấm, đổ đất và trồng cây.

- Kết cấu bó vỉa: Bằng bê tông đá 1x2 M200 trên lớp bê tông lót đá 4x6.

- Hệ thống cấp điện, chiếu sáng: Bố trí hệ thống trụ chiếu sáng nằm trong dải phân cách, khoảng cách 35m/1 trụ (đã được Sở Công thương thẩm định tại Công văn số 2177/SCT-NL ngày 25/12/2020).

- Hệ thống thoát nước:

+ Hệ thống thoát nước dọc tuyến: Bố trí hệ thống cống dọc bằng BTCT hai bên tuyến.

+ Hệ thống thoát nước ngang đường: Bố trí cống BTCT vĩnh cửu đảm bảo thoát nước.

- Hệ thống an toàn giao thông: Thiết kế tổ chức giao thông trên đường được tuân theo đúng quy chuẩn quốc gia về báo hiệu đường bộ: QCVN 41: 2019/BGTVT.

b) Phần cầu: Đầu tư xây dựng 01 cầu tại Km1+165,46. Cầu được thiết kế theo Tiêu chuẩn thiết kế cầu 22TCN 272-05, được đầu tư xây dựng bằng BTCT và BTCT dự ứng lực, được thiết kế có cao độ đáy dầm phải đảm bảo cao hơn mực nước cao nhất khoảng 1m, cụ thể:

- Tổng bề rộng cầu: 42m, trong đó:

+ Chiều rộng làn đường xe cơ giới: 7,5m x 2 bên = 15m

+ Chiều rộng làn đường xe hỗn hợp: 9,5m x 2 bên = 19m

+ Chiều rộng dải phân cách: 2m x 2 bên = 4m

+ Chiều rộng vỉa hè, lan can: 2m x 2 bên = 4m

- Tải trọng thiết kế cầu: Hoạt tải HL93 theo 22 TCN-272-05.

- Cầu được thiết kế với sơ đồ 3 nhịp giản đơn dài 24,54m + 33m + 24,54m, trong đó:

+ Nhịp 1, nhịp 3: Nhánh trái và nhánh phải có 8 dầm, nhánh giữa có 10 dầm có dạng chữ I bằng BTCT có f'c=42MPa dự ứng lực đúc sẵn có chiều cao 1,143m dài 24,54m.

+ Nhịp 2: Nhánh trái và nhánh phải có 8 dầm, nhánh giữa có 10 dầm có dạng chữ I bằng BTCT có f'c=50MPa dự ứng lực đúc sẵn có chiều cao 1,4m dài 33m.

+ Chiều dài cầu L= 83,28m (tính từ mép sau tường ngực mố), sử dụng dầm BTCT dự ứng lực đúc sẵn của nhà sản xuất cung cấp.

+ Bản mặt cầu bằng bê tông cốt thép dày 18cm.

+ Lớp phủ mặt cầu bằng lớp Bê tông nhựa chặt 12,5 dày 5cm.

+ Lan can bằng thép mạ kẽm; khe co giãn bằng thép răng lược; gối cao su cốt bản thép.

- Kết cấu mố, trụ cầu bằng BTCT đổ tại chỗ:

+ Móng mố cầu là móng cọc khoan nhồi đường kính D120cm bằng BTCT.

+ Bệ mố M1 nhánh trái và nhánh phải có 6 cọc, nhánh giữa có 8 cọc, chiều dài cọc dự kiến 24,27m.

+ Bệ mố M2 nhánh trái và nhánh phải có 3 cọc, nhánh giữa có 4 cọc, chiều dài cọc dự kiến 31,27m.

+ Bệ trụ T1, T2 nhánh trái và nhánh phải có 6 cọc, nhánh giữa có 8 cọc, chiều dài cọc dự kiến 19,27m.

+ Chiều dài cọc ở trên (đã bao gồm cả phần ngàm vào bệ và phần đập đầu cọc) là dự kiến, chiều dài thực tế của cọc phải xác định dựa vào kết quả thi công cọc thử ngoài hiện trường.

+ Bệ mố, trụ; thân mố, tường đỉnh, tường cánh; thân trụ, xà mũ trụ; bê tông lót móng mố bằng BTCT đổ tại chỗ.

+ Sau mố đặt bản quá độ bằng BTCT đổ tại chỗ, dài 6m, bề rộng bố trí trên hết phạm vi phần mặt đường xe chạy.

- Gia cố mái taluy và tứ nón.

9. Giá trị dự toán: 372.000.000.000 đồng *(Bằng chữ: Ba trăm bảy mươi hai tỷ đồng)*. Trong đó:

- Chi phí xây dựng sau thuế: 352.873.657.071 đồng.
- Chi phí quản lý dự án: 3.800.171.547 đồng.
- Chi phí tư vấn xây dựng: 10.683.769.523 đồng.
- Chi phí khác: 2.264.270.187 đồng.
- Chi phí dự phòng: 2.378.131.672 đồng.

10. Nguồn vốn: Ngân sách tỉnh.

11. Thời hạn sử dụng công trình:

- Phần đường: 10 năm theo Tiêu chuẩn thiết kế áo đường mềm 22TCN211-06.

- Phần cầu: Cầu bê tông cốt thép vĩnh cửu.

12. Các quy chuẩn kỹ thuật, quy chuẩn chủ yếu áp dụng:

a) Phần đường, thoát nước, ATGT:

- Tiêu chuẩn khảo sát:

+ Quy trình khảo sát đường ôtô 22TCN 263-2000;

+ Quy trình khảo sát xây dựng – Nguyên tắc cơ bản TCVN 4419:1987;

+ Quy trình trắc địa trong xây dựng công trình – Yêu cầu chung TCVN 9398:2012;

+ Quy trình khảo sát và tính toán đặc trưng dòng chảy lũ TCVN 9845-2013;

- Tiêu chuẩn thiết kế:

+ Tiêu chuẩn thiết kế đường ôtô TCVN 4054-2005;

+ Tiêu chuẩn thiết kế áo đường mềm 22TCN 211-06;

+ Tiêu chuẩn thiết kế đường ôtô 22TCN 273-01;

+ Quy trình thiết kế cầu cống theo trạng thái giới hạn (áp dụng cho thiết kế cống trên đường ô tô) 22TCN 18 -79;

- Tiêu chuẩn thi công và nghiệm thu:

+ Tiêu chuẩn thi công và nghiệm thu công tác đất TCVN 4447- 2012;

+ Tiêu chuẩn thi công và nghiệm thu nền đường ôtô TCVN 9436: 2012;

+ Tiêu chuẩn thi công và nghiệm thu Lớp kết cấu áo đường ô tô bằng cấp phối thiên nhiên TCVN 8857: 2011;

+ Tiêu chuẩn thi công và nghiệm thu Lớp móng cấp phối đá dăm trong kết cấu áo đường ô tô TCVN 8859: 2011;

+ Tiêu chuẩn thi công và nghiệm thu Mặt đường BTN nóng TCVN 8819: 2011;

+ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41: 2019/BGTVT

b) Phần điện:

- Quy phạm trang bị điện phần I, II, III, IV ban hành kèm theo Quyết định số 19/2006/QĐ-BCN ngày 11 tháng 7 năm 2006 của Bộ Công nghiệp;

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn điện ban hành kèm theo Quyết định số 12/2008/QĐ-BCT ngày 17 tháng 6 năm 2008 của Bộ Công Thương;

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về kỹ thuật điện phần thi công các công trình điện ban hành kèm theo Thông tư số 40/2009/TT-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Công Thương;

- Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia QCVN 07-7:2016/BXD "Các công trình hạ tầng kỹ thuật - Công trình chiếu sáng" ban hành theo Thông tư số 01/2016/TT-BXD ngày 01 tháng 02 năm 2016 của Bộ Xây dựng.

- Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam TCXDVN 259:2001 "Lắp đặt chiếu sáng nhân tạo đường, đường phố, quảng trường"; Tiêu chuẩn thiết kế "Chiếu sáng nhân tạo bên ngoài các công trình công cộng và kỹ thuật hạ tầng đô thị – tiêu chuẩn thiết kế" TCXDVN 333:2005 ngày 04 tháng 4 năm 2005; Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 5847:2016 – Cột bê tông cốt thép ly tâm; Tiêu chuẩn thiết kế về tải trọng và tác động TCVN-2737-1995; Tiêu chuẩn mạ kẽm nhúng nóng 18TCN-04-92.

c) Phần cầu:

- Tiêu chuẩn thiết kế cầu 22TCN 272-05;
- Tiêu chuẩn kỹ thuật gối cầu cao su cốt bản thép AASHTO M251-06;
- Tiêu chuẩn khe co giãn AASHTO M297-06;
- Tác động do co ngót và từ biến CEB-FIP 1990;
- Kết cấu bê tông và BTCT – Tiêu chuẩn thiết kế TCVN 5574:2012;
- Cầu và cống – Quy phạm thi công và nghiệm thu 22TCN 266 – 2000;
- Sản phẩm bê tông ứng lực trước TCVN 9114:2012;
- Quy trình thi công và nghiệm thu dầm cầu Bê tông dự ứng lực 22TCN247-98;
- Bê tông – Yêu cầu bảo dưỡng ẩm tự nhiên TCVN 8828:2011;
- Cọc khoan nhồi – Thi công và nghiệm thu TCVN 9395:2012;
- Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép toàn khối - Quy phạm thi công và nghiệm thu TCVN 4453-1995;
- Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép lắp ghép - Quy phạm thi công và nghiệm thu TCVN 9115:2012;
- Cốt thép bê tông TCVN 1651-2008;
- Và các quy trình hiện hành có liên quan.

13. Các nội dung khác: Chủ đầu tư thực hiện các kiến nghị của Sở Giao thông vận tải tại Văn bản số 11/SGTVT-VP ngày 28/01/2021.

(Kèm theo hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và dự toán đã được Sở Giao thông vận tải thẩm định tại Văn bản số 11/SGTVT-VP ngày 28/01/2021).

Điều 2. UBND huyện Đồng Phú là chủ đầu tư chịu trách nhiệm thực hiện các bước tiếp theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước về quản lý đầu tư xây dựng.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở, ngành: Giao thông vận tải, Tài chính, Kho bạc Nhà nước tỉnh Bình Phước; Chủ tịch UBND huyện Đồng Phú; Tổ chức tư vấn khảo sát, lập thiết kế bản vẽ thi công – dự toán và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh;
- LĐVP, Phòng KT;
- Lưu: VT(Trí-GT04).

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Huỳnh Anh Minh